

ẢNH HƯỞNG CỦA HÀNH VI LÀM CHA MẸ ĐẾN HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

HOÀNG XUÂN CHÂU *

ĐẶNG THANH NGÀ **

Tóm tắt: Bài viết này xem xét ảnh hưởng của hành vi làm cha mẹ đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên dựa trên khảo sát 403 người chưa thành niên vi phạm pháp luật đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại các trường giáo dưỡng. Kết quả của hồi quy đơn biến cho thấy cả hỗ trợ, kiểm soát tâm lý và kiểm soát hành vi của cha và mẹ đều ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên. Trong đó, kiểm soát tâm lý của cả cha và mẹ là yếu tố nguy cơ tác động mạnh nhất đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên theo chiều thuận. Ngược lại, kiểm soát hành vi và hỗ trợ đóng vai trò là các yếu tố bảo vệ, tác động theo chiều nghịch. Tuy nhiên, kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy chỉ kiểm soát hành vi của cả cha và mẹ, cùng với kiểm soát tâm lý và sự hỗ trợ của cha, mới có tác động đáng kể về mặt thống kê đến hành vi vi phạm pháp luật. Những phát hiện này cung cấp cơ sở thực chứng quan trọng để xây dựng các chiến lược can thiệp sớm từ gia đình, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của người cha và sự cần thiết phải giảm thiểu các hình thức kiểm soát tâm lý tiêu cực trong giáo dục con.

Từ khoá: Hành vi làm cha mẹ; hành vi vi phạm pháp luật; người chưa thành niên; người chưa thành niên vi phạm pháp luật; kiểm soát tâm lý; kiểm soát hành vi; hỗ trợ

Nhận bài: 09/02/2026

Hoàn thành biên tập: 30/4/2026

Duyệt đăng: 30/4/2026

THE IMPACT OF PARENTING BEHAVIOURS ON DELINQUENCY BEHAVIOURS AMONG JUVENILE OFFENDERS

Abstract: This article examines the influence of parenting behaviours on delinquent behaviours among juvenile offenders, based on a survey of 403 juvenile offenders currently serving judicial educational measures in reform schools. The research of the simple regression analysis indicates that parental support, psychological control, and behavioural control by both fathers and mothers are all significantly associated with delinquent behaviours. Among these factors, psychological control exercised by both parents emerges as the strongest risk factor, showing a positive effect on delinquent behaviours. In contrast, behavioural control and parental support function as protective factors, demonstrating negative effects. However, the results of the multiple regression analysis indicate that only behavioural control by both fathers and mothers, along with psychological control and paternal support by fathers, have statistically significant effects on delinquent behaviours. These findings provide important empirical evidence for the development of early family-based intervention strategies, particularly highlighting the role of fathers and the need to reduce negative forms of psychological control in parenting practices.

Keywords: Parenting behaviours; delinquency behaviours; juvenile; juvenile delinquency; psychological control; behavioural control; parental support

Received: 9 February 2026; Editing completed: 30 April 2026; Accepted for publication: 30 April 2026

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội. E-mail: hoang.xuan.chau@hlu.edu.vn

** Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Văn Lang. E-mail: ngadang1963@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Tình hình vi phạm pháp luật của người chưa thành niên tại Việt Nam hiện nay đang diễn biến phức tạp với chiều hướng gia tăng đáng lo ngại, đặt ra nhiều thách thức lớn cho công tác quản lý nhà nước và trật tự an toàn xã hội. Theo Báo cáo số 551/BC-CP ngày 13/10/2023 của Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2023, tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên tiếp tục gia tăng về số lượng và mức độ nghiêm trọng. Điều đáng lưu ý là tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm pháp luật do người chưa thành niên thực hiện ngày càng nghiêm trọng. Nhiều vụ vi phạm có tính chất hung hãn, bạo lực cao như gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích, cướp tài sản, hiếp dâm, thậm chí giết người đã xảy ra. Theo số liệu thống kê, nhóm tội xâm phạm trật tự công cộng có xu hướng tăng mạnh, điển hình là tội “Gây rối trật tự công cộng” đã tăng gấp 10,6 lần trong giai đoạn 2020 - 2023. Bên cạnh đó, phương thức thực hiện hành vi vi phạm pháp luật ngày càng thể hiện sự cấu kết chặt chẽ; tình trạng tụ tập thành các băng nhóm đông người (“tội phạm đường phố”) mang theo hung khí tự chế để giải quyết mâu thuẫn đang trở thành vấn đề nhức nhối. Thủ đoạn vi phạm pháp luật ngày càng tinh vi, manh động, thường xuyên lợi dụng không gian mạng để lôi kéo, rủ rê thực hiện hành vi vi phạm pháp luật¹.

Đặc biệt, độ tuổi vi phạm pháp luật đang có xu hướng “trẻ hoá” mạnh mẽ. Tỷ lệ người

dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật ngày càng tăng, trong đó đáng báo động là sự gia tăng của nhóm đối tượng từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi tham gia vào các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Thực trạng này phản ánh những lỗ hổng trong các thiết chế xã hội hoá, đặc biệt là vai trò của gia đình.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu chỉ ra rằng, bên cạnh những nguyên nhân ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên như đặc điểm tâm lý lứa tuổi, hoàn cảnh kinh tế, bạn bè, nhà trường và môi trường xã hội thì giáo dục gia đình đóng vai trò then chốt. Đặc biệt, hành vi làm cha mẹ không phù hợp, thiếu đúng đắn, thể hiện qua sự lỏng lẻo trong kiểm soát hành vi hoặc sự áp đặt cực đoan trong kiểm soát tâm lý, là một trong những nguyên nhân trực tiếp và sâu xa dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên.

Gia đình được xem là thiết chế xã hội đầu tiên và có ảnh hưởng sâu sắc nhất trong quá trình xã hội hoá cá nhân, đặc biệt đối với người chưa thành niên. Trong lĩnh vực tội phạm học, nhiều lý thuyết đã khẳng định vai trò trung tâm của gia đình trong việc hình thành và điều chỉnh hành vi. Lý thuyết kiểm soát xã hội của Hirschi² nhấn mạnh rằng sự gắn kết và giám sát từ cha mẹ là yếu tố then chốt giúp cá nhân tuân thủ các chuẩn mực xã hội. Trong khi đó, lý thuyết tự kiểm soát của Gottfredson và Hirschi³ cho rằng năng lực tự kiểm soát là yếu tố dự báo quan trọng của hành vi phạm tội - được hình thành chủ yếu

¹ Báo cáo số 551/BC-CP ngày 13/10/2023 của Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2023.

² Hirschi T. (1969), *Causes of Delinquency*, Berkeley, CA: University of California Press.

³ Gottfredson, M. R., Hirschi, T. (1990), *A General Theory of Crime*, Stanford University Press.

thông qua quá trình giáo dục và kiểm soát của cha mẹ trong những năm đầu đời. Gove và Crutchfield cho rằng có bằng chứng mạnh mẽ “*gia đình đóng vai trò quan trọng trong tội phạm của người chưa thành niên*” và khẳng định đây là phát hiện được lặp lại nhiều nhất trong các tài liệu về hành vi lệch lạc của người chưa thành niên⁴.

Các nghiên cứu hiện đại tiếp tục làm rõ rằng hành vi làm cha mẹ không phải là một khái niệm đơn nhất, mà bao gồm nhiều thành tố khác nhau, trong đó nổi bật là hỗ trợ, kiểm soát hành vi và kiểm soát tâm lí. Mỗi dạng hành vi này có thể tạo ra những tác động khác nhau, thậm chí trái chiều, đối với sự phát triển hành vi của người chưa thành niên⁵. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam, các nghiên cứu thực nghiệm phân tích đồng thời các thành tố này và mối liên hệ của chúng với hành vi vi phạm pháp luật vẫn còn hạn chế, đặc biệt dưới góc độ tội phạm học.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài viết này được thực hiện nhằm trả lời hai câu hỏi cốt lõi: 1) Giữa hành vi làm cha mẹ và hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên có mối quan hệ tương quan như thế nào?; 2) Hành vi làm cha mẹ (hỗ trợ, kiểm soát hành vi, kiểm soát tâm lí) có mức độ ảnh hưởng như thế nào đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên?

Việc trả lời các câu hỏi này sẽ cung cấp bằng chứng thực nghiệm quan trọng, giúp

định hướng các chiến lược can thiệp gia đình phù hợp nhằm giảm thiểu nguy cơ vi phạm pháp luật ở người chưa thành niên. Cụ thể, kết quả nghiên cứu có thể làm rõ những dạng hành vi làm cha mẹ mang tính bảo vệ hoặc nguy cơ, từ đó định hướng cho các chương trình can thiệp gia đình, giáo dục kĩ năng làm cha mẹ và hoàn thiện hệ thống tư pháp thân thiện với người chưa thành niên.

2. Một số nghiên cứu về ảnh hưởng của hành vi làm cha mẹ đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên

2.1. Cơ sở lý thuyết về hành vi làm cha mẹ

Nghiên cứu về ảnh hưởng của gia đình đối với sự phát triển của trẻ được đặt nền móng bởi Baumrind⁶, một trong những người tiên phong nghiên cứu về hành vi làm cha mẹ. Các công trình của bà trải dài qua hai thập kỉ đã đóng góp giá trị to lớn về mặt lí luận và thực tiễn. Dựa trên nghiên cứu thực nghiệm, Baumrind cho rằng thực tiễn giáo dục của cha mẹ xuất phát từ hai nhu cầu cơ bản: sự đáp ứng nhu cầu của con và sự đòi hỏi của cha mẹ đối với con⁷. Theo mô hình tương tác mà Baumrind theo đuổi, chất lượng làm cha mẹ được đánh giá dựa trên sự kết hợp giữa hai yếu tố: sự hỗ trợ (thể hiện qua sự yêu thương, tôn trọng và hỗ trợ kế hoạch tương lai của con) và sự kiểm soát (đòi hỏi, yêu cầu)⁸.

⁴ Gove W. R., Crutchfield, R. D. (1982), “The Family and Juvenile Delinquency”, *Sociological Quarterly*, 23, tr. 301 - 319.

⁵ Barber B. K. (1996), “Parental Psychological Control: Revisiting a Neglected Construct”, *Child Development*, 67(6), tr. 3296 - 3319, <https://doi.org/10.2307/1131780>

⁶ Baumrind D. (1971), “Current patterns of parental authority”, *Developmental Psychology*, 4(1), tr. 1 - 103; Baumrind D. (1991), “The Influence of Parenting Style on Adolescent Competence and Substance Use”, *Journal of Early Adolescence*, 11, tr. 56 - 95.

⁷ Baumrind D. (1991), tltđ, tr. 56 - 95.

⁸ Baumrind D. (1996), “Effects of Authoritative Control on Child Behavior”, *Child Development*, 37(4), tr. 887 - 907.

Kế thừa và phát triển lí thuyết này, nhiều học giả như Maccoby và Martin⁹, Maccoby¹⁰, Steinberg¹¹, Darling và Steinberg¹² khẳng định hành vi làm cha mẹ là một khái niệm đa cấu trúc. Maccoby và Martin cụ thể hoá rằng hành vi làm cha mẹ được hợp thành bởi nhóm hành vi tích cực (hỗ trợ) và nhóm hành vi kiểm soát¹³. Các nghiên cứu sau đó của Barber¹⁴, Cummings và cộng sự¹⁵, Farrington và Coid¹⁶, Born¹⁷ và Barber và cộng sự¹⁸ đã tinh chỉnh

mô hình này bằng cách phân định rõ hai biểu hiện điển hình của kiểm soát: kiểm soát hành vi và kiểm soát tâm lí. Prevant¹⁹ và Anderson²⁰ cũng nhấn mạnh rằng hành vi làm cha mẹ chính là sự phản ánh cách thức xã hội hoá con, hay theo Brooks, là quá trình thúc đẩy và hỗ trợ toàn diện cho sự phát triển của trẻ đến khi trưởng thành²¹.

Dựa trên các dòng lí thuyết này, mô hình hành vi làm cha mẹ trong nghiên cứu hiện đại thường được cấu trúc bởi ba khía cạnh chính:

- Hỗ trợ: Thể hiện qua thái độ lắng nghe, tôn trọng, tin tưởng, yêu thương, quan tâm, chấp nhận và sẵn sàng chia sẻ cảm xúc của cha mẹ với con.

- Kiểm soát hành vi: Bao gồm các nỗ lực quản lí, điều chỉnh hành vi của con một cách hợp lí. Đây được xem là mô hình lí tưởng nếu được thực hiện đúng mức. Sự lỏng lẻo trong khía cạnh này đồng nghĩa với sự bỏ bê, trong khi sự kiểm soát cực đoan (giám sát mọi lúc, mọi nơi) lại liên quan chặt chẽ đến các lệch chuẩn xã hội.

- Kiểm soát tâm lí: Là những cố gắng can thiệp vào sự phát triển tâm lí, tình cảm của con thông qua các hành vi thao túng suy nghĩ và cảm xúc. Đây là hình thức kiểm soát tiêu cực, ngăn cản sự phát triển tính tự chủ và tự định hướng của trẻ.

-
- ⁹ Maccoby E. E., Martin J. A. (1983), "Socialization in the Context of the Family: Parent - Child Interaction", *Handbook of child psychology: Socialization, personality and social development*, Vol. 4, E. M. Hetherington (Ed), tr. 1 - 102, New York: Wiley.
- ¹⁰ Maccoby E. E. (1990), *Gender and relationships. A developmental account*, *The American Psychologist*, 45(4), 513 - 520, <https://doi.org/10.1037//0003-066x.45.4.513>
- ¹¹ Steinberg, L. (1990), "Interdependency in the family: Autonomy, conflict, and harmony in the parent-adolescent relationship", *At the threshold: The developing adolescent*, S. Feldman and G. Elliott (Eds.), Cambridge, MA: Harvard University Press, tr. 255 - 276.
- ¹² Darling N., Steinberg L. (1993), "Parenting Style as Context: An Integrative Model", *Psychological Bulletin* (113), tr. 487 - 496.
- ¹³ Maccoby E. E., Martin J. A. (1983), tldd, tr. 1 - 102.
- ¹⁴ Barber B. K. (1996), tldd; Barber B. K. (2002), *Intrusive parenting: How psychological control affects children and adolescents*, Washington, DC: American Psychological Association.
- ¹⁵ Cummings E. M., Davies P. T., Campbell S. B. (2000), *Developmental Psychopathology and Family Process*, New York, NY: The Guilford Press.
- ¹⁶ Farrington D. P., Coid J. W. (eds.) (2003), *Early Prevention of Adult Antisocial Behaviour*, USA: Cambridge University Press.
- ¹⁷ Born M. (2003), *Psychologie de la délinquance*, Ed. De Boeck, tr. 70.
- ¹⁸ Barber, B. K., Stolz, H. E., Olsen, J. A., Collins, W. A., & Burchinal, M. (2005), "Parental support, psychological control, and behavioral control: Assessing relevance across time, culture, and method", *Monographs of the Society for Research*

in Child Development, 70(4), i-147, <http://www.jstor.org/stable/3701442>, truy cập 15/02/2026.

¹⁹ Prevant F. F. (2003), The contribution of parenting practices in a risk and resiliency model of children's adjustment, *British Journal of Developmental Psychology*, 21(4), tr. 469 - 480.

²⁰ Anderson B. J. (2011), "Parenting styles and parenting practices in pediatric diabetes", *Diabetes Care*, 34(8), tr. 1885 - 1886.

²¹ Brooks J. B. (2012), *The Process of Parenting: Ninth Edition*, McGraw-Hill Higher Education.

2.2. Bằng chứng thực nghiệm về mối liên hệ giữa hành vi làm cha mẹ và hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên

Các nghiên cứu thực nghiệm đã cung cấp nhiều bằng chứng về tác động trái chiều của các khía cạnh hành vi này đến sự phát triển của người chưa thành niên.

Thứ nhất, về vai trò của sự hỗ trợ và kiểm soát hành vi tích cực: Nghiên cứu của Brook và cộng sự chỉ ra rằng sự gắn bó, hỗ trợ và gần gũi với cha mẹ mang lại sự bảo vệ ý nghĩa, giúp người chưa thành niên giảm thiểu nỗi đau khổ tâm lý và các hành vi lệch chuẩn²². Tương tự, Mulder chứng minh mối quan hệ nghịch biến giữa kiểm soát hành vi và khả năng vi phạm pháp luật: sự kiểm soát thường xuyên giúp giảm nguy cơ vi phạm pháp luật²³. Các nghiên cứu của Barrera và Li²⁴, Stattin và Kerr²⁵, Barber²⁶ cũng đồng thuận rằng mức độ hỗ trợ cao và kiểm soát hành vi phù hợp giúp trẻ tự tin và ít có hành vi lệch chuẩn. Các nghiên cứu của Barnes và Farrel²⁷, Patterson

và cộng sự²⁸ cho rằng ở trong những gia đình người chưa thành niên được hỗ trợ và giám sát, tỉ lệ vi phạm pháp luật thấp hơn theo thời gian so với việc kỉ luật không hiệu quả, điều này có liên quan đến nguy cơ phát triển các hành vi chống đối xã hội ở thời thơ ấu. Các nghiên cứu của Turner và cộng sự²⁹, Pinquar³⁰, Walters³¹, Merdović và cộng sự³² đều khẳng định rằng kiểm soát hành vi của cha mẹ là một yếu tố bảo vệ quan trọng, có tác động làm giảm hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên.

Thứ hai, về tác động tiêu cực của sự thiếu hụt giám sát: Ngược lại, sự kiểm soát hành vi lỏng lẻo và hỗ trợ thấp thường làm phát sinh các khó khăn tâm lý (tự ti) và rối loạn hành vi (nổi loạn, chống đối, trộm cắp, sử dụng chất kích thích). Farrington khẳng định sự kiểm soát lỏng lẻo liên quan đến gia

²² Brook J. S., Wh M., Balka E. B. and Cohen P. (1997), "Drug use and Delinquency: Shared and Unshared Risk Factors in African American and Puerto Rican Adolescents", *Journal of Genetic Psychology*, Vol. 158, tr. 25 - 39.

²³ Mulder E. A. (2010), *Unraveling Serious Juvenile Delinquency: Risk and Needs Assessment by Classification into Subgroups*, Erasmus University Rotterdam.

²⁴ Barrera M. and Li S. A. (1996), "The Relation of Family Support to Adolescent's Psychological Distress and Behavior Problem", *Handbook of Social Support and the Family*, G.R. Pierce, B.R Sarason and L.G. Sarason (eds), New York: Plenum Press.

²⁵ Stattin H., Kerr M. (2000), "Parental monitoring: A Reinterpretation", *Child Development*, 71(4), 1072 - 1085, <https://doi.org/10.1111/1467-8624.00210>

²⁶ Barber B. K. (2002), tldd.

²⁷ Barnes G. M., Farrel, M. P. (1992), "Parental support and control as predictors of adolescent

drinking, delinquency, and related problem behaviors", *Journal of Marriage and the Family*, 54, tr. 763 - 776.

²⁸ Patterson G. R., DeBaryshe B. D., Ramsey E. (1989), "A developmental perspective on antisocial behavior", *American Psychologist*, 44, tr. 329 - 335.

²⁹ Turner H. A., Finkelhor D., Ormrod R. (2007), "Family structure variations in patterns and predictors of child victimization", *American Journal of Orthopsychiatry*, 77(2), tr. 282 - 295, <https://doi.org/10.1037/0002-9432.77.2.282>

³⁰ Pinquart M. (2017), "Associations of parenting dimensions and styles with externalizing problems of children and adolescents: An updated meta-analysis", *Developmental Psychology*, 53, tr. 873 - 932.

³¹ Walters G. D. (2018), "Mediating the relationship between parental control/support and offspring delinquency: Self-efficacy for a conventional lifestyle versus self-efficacy for deviance", *Crime Delinq*, 64, tr. 606 - 624.

³² Merdović B., Počuča M., & Dragojlović J. (2024), "Parental Supervision and Control as a Predictive Factor of Juvenile Delinquency", *International Journal of Cognitive Research in Science, Engineering and Education (IJCRSEE)*, 12(1), tr. 239 - 250.

tăng vi phạm pháp luật ở cả tuổi chưa thành niên và khi trưởng thành³³. Born thậm chí đặt giả thiết về sự “bỏ quên” con cái của cha mẹ trong các trường hợp trẻ có hành vi hung hăng, trộm cắp³⁴. Nghiên cứu đối sánh của Glueck và Glueck trên 438 người chưa thành niên phạm pháp cũng củng cố nhận định này: đối tượng phạm tội thường xuất thân từ các gia đình có đặc trưng là hỗ trợ yếu và kiểm soát hành vi lỏng lẻo³⁵.

Thứ ba, về tác hại của kiểm soát tâm lý và cưỡng bức: Ở chiều hướng khác, sự kiểm soát thái quá và tiêu cực lại gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Magnus và cộng sự cho thấy kiểm soát tâm lý quá cao ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển tâm lý, tạo điều kiện cho hành vi hung hăng và kém thích nghi³⁶. Patterson chỉ ra rằng mô hình cha mẹ cưỡng bức, chuyên quyền tạo ra những đứa trẻ thường xuyên nổi giận, chống đối và có nguy cơ cao thực hiện các hành vi lệch chuẩn như phá hoại tài sản, sử dụng chất kích thích³⁷. Barner³⁸ và Farrington cùng cộng sự³⁹ cũng kết luận rằng sự kiểm soát độc đoán nghiêm ngặt và hình phạt khắc nghiệt là chỉ báo quan trọng liên quan đến mức độ cao của hành vi chống đối xã hội. Church II và cộng sự cho rằng, các yếu tố gây căng thẳng mà

người chưa thành niên gặp phải trong gia đình mới có tác động lớn nhất đến hành vi phạm pháp luật. Các yếu tố gây căng thẳng trong gia đình là biến số duy nhất có ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi phạm pháp luật⁴⁰. Nghiên cứu của Pinquar⁴¹ cho rằng, kiểm soát tâm lý của cha mẹ là yếu tố nguy cơ, có tác động làm tăng hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên. Nghiên cứu của Shek và Zhu đã báo cáo những phát hiện tương tự và tiết lộ thêm rằng kiểm soát tâm lý của cha có thể dự đoán đáng kể tốc độ tăng trưởng tuyến tính của vi phạm pháp luật trong những năm học trung học cơ sở⁴².

2.3. Bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam và vấn đề nghiên cứu

Tại Việt Nam, các nghiên cứu gần đây cũng ghi nhận những xu hướng tương tự. Trần Thu Hương và cộng sự nhận thấy hành vi hỗ trợ cao dự báo sự giảm hành vi lệch chuẩn, trong khi kiểm soát tâm lý chặt dự báo sự gia tăng hành vi này trong môi trường học đường. Tuy nhiên, nghiên cứu này lại cho thấy khía cạnh kiểm soát hành vi không tham gia dự báo sự thay đổi của hành vi lệch chuẩn⁴³. Trong khi đó, Lê Thị Ngọc Lan chỉ

³³ Farrington D. P. (1996), *Understanding and Preventing Youth Crime*, Joseph Bowntree Foundation, tr. 12.

³⁴ Born M. (2003), tldđ, tr. 120.

³⁵ Born M. (2003), tldđ, tr. 110.

³⁶ Anderson L. S. (2008), “Predictors of parenting stress in a diverse sample of parents of early adolescents in high-risk communities”, *Nurs Res*, Vol. 57 (5), tr. 340 - 350, DOI: 10.1097/01.NNR.0000313502.92227.87

³⁷ Born M. (2003), tldđ, tr. 122.

³⁸ Barber B. K. (2002), tldđ.

³⁹ Farrington D. P., Coid J. W. (eds.) (2003), tldđ.

⁴⁰ Church II W. T., Tracy Wharton, Julie K. Taylor (2009), “An Examination of Differential Association and Social Control Theory: Family Systems and Delinquency”, *Youth Violence and Juvenile Justice*, Vol. 7 (1), tr. 3 - 15, DOI: 10.1177/1541204008324910

⁴¹ Pinquar M. (2017), tldđ, tr. 873 - 932.

⁴² Shek D.T.L., Zhu X. (2019), “Paternal and maternal influence on delinquency among early adolescents in Hong Kong”, *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 16, tr. 1338.

⁴³ Trần Thu Hương, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Thị Minh (2022), “Hành vi làm cha mẹ như yếu tố dự báo cho hành vi lệch chuẩn học đường ở thanh thiếu niên”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 1, tr. 20 - 36.

ra rằng ngoài tác động của hỗ trợ và kiểm soát tâm lí, sự kiểm soát hành vi cao của người cha cũng có thể dự báo sự giảm hành vi lệch chuẩn ở học sinh trung học phổ thông⁴⁴.

Trên cơ sở tổng hợp các công trình nghiên cứu đi trước, nghiên cứu này xác định hành vi làm cha mẹ là tổ hợp các nhóm hành vi: hỗ trợ, kiểm soát hành vi và kiểm soát tâm lí trong giáo dục con. Mặc dù đã có các nghiên cứu về chủ đề này nhưng sự tác động đồng thời và mức độ ảnh hưởng cụ thể của từng khía cạnh hành vi (của cả cha và mẹ) đối với nhóm đối tượng đặc thù là người chưa thành niên đã vi phạm pháp luật vẫn cần được làm sáng tỏ hơn.

3. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên dữ liệu khảo sát trực tiếp từ 403 người chưa

thành niên vi phạm pháp luật đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại ba trường giáo dưỡng thuộc Bộ Công an, đại diện cho ba khu vực: Trường Giáo dưỡng số 2 (Ninh Bình), Trường Giáo dưỡng số 3 (Đà Nẵng) và Trường Giáo dưỡng số 4 (Đồng Nai).

Đặc điểm nhân khẩu học xã hội của mẫu nghiên cứu được trình bày chi tiết tại Bảng 1. Dữ liệu cho thấy mẫu khảo sát mang những đặc trưng điển hình của nhóm người chưa thành niên vi phạm pháp luật: tỉ lệ nam giới chiếm đa số áp đảo (92,6%); độ tuổi tập trung chủ yếu ở nhóm 16 đến dưới 18 tuổi (66,7%) và tỉ lệ bỏ học rất cao (61,5%). Về bối cảnh gia đình, phần lớn các em xuất thân từ gia đình có mức sống trung bình hoặc nghèo (81,4%), và một tỉ lệ đáng kể (42,2%) sống trong gia đình có cấu trúc không hoàn thiện (cha mẹ li hôn/li thân).

Bảng 1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu (n = 403)

Đặc điểm		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Đặc điểm		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	373	92,6	Độ tuổi	Từ 12 tuổi đến dưới 15 tuổi	47	11,7
	Nữ	30	7,4		Từ 15 tuổi đến dưới 16 tuổi	87	21,6
Trình độ học vấn	Tiểu học	78	19,4		Từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	269	66,7
	Trung học cơ sở	259	64,3	Trình độ học vấn của cha	Dưới lớp 12	71	17,6
	Phổ thông trung học	66	16,3		Lớp 12/Trung cấp	285	70,7
Học lực (khi còn đi học)	Yếu/kém	62	15,4		Cao đẳng/Đại học	27	6,7
	Trung bình	182	45,2		Trên đại học	20	5
	Khá	129	32,0	Trình độ học vấn của mẹ	Dưới lớp 12	69	17,1
	Giỏi	30	7,4		Lớp 12/Trung cấp	274	68
					Cao đẳng/Đại học	41	10,2
						19	4,7

⁴⁴ Lê Thị Ngọc Lan (2022), *Mối quan hệ giữa hành vi lệch chuẩn học đường ở học sinh trung học phổ thông và hành vi làm cha mẹ*, Luận án tiến sĩ tâm lí học, Trường Đại học Khoa học và Xã hội nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 148.

Hành kiểm (khi còn đi học)	Yếu	48	11,9	Mức sống của gia đình	Nghèo	72	17,9
	Trung bình	157	39,0		Trung bình	256	63,5
	Khá	149	37,0		Khá giả	71	17,6
	Tốt	49	12,1		Giàu có	4	1
Tình trạng học tập	Đang đi học	155	38,5	Tình trạng hôn nhân của cha mẹ	Sống cùng nhau	233	57,8
	Bỏ học	248	61,5		Li hôn/Li thân	170	42,2

3.2. Phương pháp nghiên cứu và công cụ đo lường

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Để đảm bảo độ tin cậy và giá trị của dữ liệu, các thang đo được kế thừa từ các nghiên cứu quốc tế uy tín và điều chỉnh phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

a) Thang đo Hành vi làm cha mẹ

Sử dụng thang đo của Barber và cộng sự⁴⁵, bổ sung 01 mệnh đề (item) từ nghiên cứu của Lê Thị Ngọc Lan⁴⁶. Thang đo gồm 24 item dành cho người chưa thành niên tự báo cáo, đo lường ba khía cạnh cấu thành hành vi làm cha mẹ:

- Hỗ trợ: Gồm 10 item đo lường sự quan tâm, chia sẻ và chấp nhận của cha mẹ (ví dụ: *“Cha/mẹ làm cho em thấy dễ chịu hơn khi em chia sẻ lo lắng”*; *“Cha/mẹ luôn quan tâm, chăm sóc em”*). Độ tin cậy Cronbach’s Alpha đạt mức cao (Cha: 0,86; Mẹ: 0,82).

- Kiểm soát tâm lý: Gồm 9 item đo lường các hành vi xâm nhập, gây áp lực tinh thần (ví dụ: *“Gọi lại lỗi lầm quá khứ khi chỉ trích”*; *“Trừng phạt nặng nề khi con sai”*; *“Mắng mỏ/xúc phạm khi không vừa ý”*). Độ tin cậy Cronbach’s Alpha ở mức chấp nhận được (Cha: 0,69; Mẹ: 0,67).

- Kiểm soát hành vi: Gồm 5 item đo

lượng mức độ giám sát của cha mẹ (ví dụ: *“Biết con làm gì lúc rảnh”*; *“Biết con đi đâu buổi tối”*; *“Biết bạn bè của con”*). Độ tin cậy Cronbach’s Alpha đạt mức khá (Cha: 0,74; Mẹ: 0,71).

Kết quả trên cho thấy tất cả các thang đo đều có độ tin cậy từ 0,67 đến 0,86, chúng đảm bảo độ tin cậy trong đo lường và việc phân tích kết quả nghiên cứu mang tính khách quan.

Cách tính điểm: Sử dụng thang Likert 3 mức độ (1 - Không giống/Không biết; 2 - Khá giống/Biết một chút; 3 - Rất giống/Biết rất rõ). Điểm của từng tiểu thang đo là điểm trung bình cộng (M) của các item thành phần. Mức độ biểu hiện được quy ước: Thấp $1 < M \leq 2$; Cao: $2 < M \leq 3$.

b) Bảng kiểm hành vi vi phạm pháp luật

Đây là công cụ tự báo cáo bao gồm 13 nhóm hành vi vi phạm phổ biến như: trộm cắp, cướp giật, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, ma túy, cờ bạc, đua xe trái phép...

Cách tính điểm: Mức độ vi phạm được xác định dựa trên Tổng số lần thực hiện hành vi vi phạm pháp luật (TSLVPPL) được đối tượng tự báo cáo. Quy ước mức độ: Thấp: 1 lần $< \text{TSLVPPL} \leq 4$ lần; Cao: $\text{TSLVPPL} \geq 5$ lần.

c) Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu thu thập được làm sạch và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 25.0. Các phép toán thống kê được sử dụng bao gồm:

⁴⁵ Barber, B. K., Stolz, H. E., Olsen, J. A., Collins, W. A., & Burchinal, M. (2005), tldd.

⁴⁶ Lê Thị Ngọc Lan (2022), tldd, tr. 94.

thống kê mô tả (tần suất, trung bình, độ lệch chuẩn) để vẽ nên bức tranh thực trạng; phân tích tương quan Pearson để kiểm tra mối liên hệ hai chiều; phân tích hồi quy tuyến tính (đơn biến và đa biến) để xác định mức độ ảnh hưởng và khả năng dự báo của các biến độc lập (hành vi làm cha mẹ) đối với biến phụ thuộc (hành vi vi phạm pháp luật).

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

4.1. Thực trạng hành vi làm cha mẹ đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật

Kết quả thống kê mô tả tại Bảng 2 và Bảng 3 đã phác họa một bức tranh khá “lệch pha” trong phương pháp giáo dục tại các gia đình có người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

Bảng 2. Đánh giá của người chưa thành niên vi phạm pháp luật về hành vi làm cha mẹ

Các nhóm hành vi làm cha mẹ	Cha		Mẹ	
	M	SD	M	SD
Hỗ trợ	1,83	0,35	2,00	0,31
Kiểm soát tâm lí	2,10	0,24	2,20	0,25
Kiểm soát hành vi	1,62	0,35	1,72	0,32

Thứ nhất, sự mất cân đối giữa các hình thức kiểm soát. Dữ liệu cho thấy một sự mâu thuẫn đáng lo ngại trong cách thức cha mẹ quản lí con. Điểm trung bình của kiểm soát tâm lí đạt mức cao nhất (Cha: 2,1; Mẹ: 2,2),

trong khi đó kiểm soát hành vi lại thấp nhất (Cha: 1,62; Mẹ: 1,72). Sự chênh lệch này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$), phản ánh một thực tế: cha mẹ có xu hướng sử dụng quyền lực để áp đặt, thao túng suy nghĩ và cảm xúc của người chưa thành niên (kiểm soát tiêu cực) thay vì dành thời gian để thiết lập quy tắc, giám sát giờ giấc và các mối quan hệ xã hội (kiểm soát tích cực). Nói cách khác, người chưa thành niên trong các gia đình này đang phải chịu đựng sự “ngột ngạt” về tinh thần nhưng lại bị “bỏ mặc” về hành vi. Chính sự lỏng lẻo trong giám sát hành vi (biết con đi đâu, làm gì) đã tạo ra cơ hội để trẻ tiếp cận với các yếu tố tiêu cực bên ngoài; trong khi sự hà khắc về tâm lí lại tạo ra động lực (sự ức chế, phản kháng) để người chưa thành niên thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ hai, vai trò giới trong thực hành làm cha mẹ. Người mẹ có điểm số cao hơn cha ở cả ba khía cạnh, đặc biệt là sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở khía cạnh hỗ trợ ($p < 0,01$). Điều này phù hợp với văn hoá gia đình Việt Nam, nơi người mẹ thường là người chăm sóc chính (primary caregiver). Tuy nhiên, mức độ kiểm soát tâm lí cao hơn từ người mẹ cũng đồng nghĩa với việc áp lực tinh thần mà người chưa thành niên phải gánh chịu từ mẹ là thường xuyên và trực diện hơn.

Bảng 3. Đánh giá của người chưa thành niên vi phạm pháp luật về mức độ hành vi làm cha mẹ

Các nhóm hành vi làm cha mẹ	Cha				Mẹ				Tổng	
	Mức độ thấp		Mức độ cao		Mức độ thấp		Mức độ cao			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Hỗ trợ	290	72,0	113	28,0	264	65,5	139	34,5	403	100
Kiểm soát tâm lí	182	45,2	221	54,8	131	32,5	272	67,5	403	100
Kiểm soát hành vi	356	88,3	47	11,7	346	85,9	57	14,1	403	100

Số liệu Bảng 3 cũng có thêm nhận định trên khi có tới 88,3% người cha và 85,9% người mẹ bị đánh giá là có mức độ kiểm soát hành vi lỏng lẻo. Ngược lại, tỉ lệ kiểm soát tâm lý ở mức cao lại chiếm đa số (54,8% ở cha và 67,5% ở mẹ). Đây chính là mô hình gia đình có nguy cơ cao, trong đó sự thiếu hụt kiểm soát hành vi đi kèm với việc gia tăng

kiểm soát tâm lý mang tính xâm nhập. Theo lý thuyết kiểm soát xã hội, sự suy yếu của các cơ chế giám sát và kỉ luật trong gia đình làm giảm hiệu quả của các ràng buộc xã hội, từ đó làm gia tăng khả năng xuất hiện hành vi vi phạm pháp luật ở người chưa thành niên⁴⁷.

4.2. Thực trạng hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên

Bảng 4. Các loại hành vi vi phạm pháp luật do người chưa thành niên thực hiện (theo số liệu báo cáo của người chưa thành niên tham gia khảo sát)

Các loại hành vi vi phạm pháp luật	Số lần thực hiện hành vi vi phạm pháp luật						Tổng số	
	1 lần		2 lần		Từ 3 lần trở lên			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Trộm cắp tài sản	52	12,9	35	8,7	170	42,2	257	63,8
Gây rối trật tự công cộng	43	10,7	37	9,2	132	32,8	212	52,6
Cố ý gây thương tích	44	10,9	33	8,2	101	25,1	178	44,2
Tổ chức đua xe hoặc đua xe trái phép	44	10,9	33	8,2	93	23,1	170	42,2
Vi phạm quy định khi tham gia giao thông đường bộ	46	11,4	27	6,7	94	23,3	167	41,4
Mua bán, tàng trữ, vận chuyển và sử dụng trái phép chất ma túy	31	7,7	22	5,5	67	16,6	120	29,8
Tổ chức, tham gia chơi cờ bạc, lô/đề/cá độ bóng đá	25	6,2	17	4,2	53	13,2	95	23,6
Chống người thi hành công vụ	37	9,2	27	6,7	31	7,7	95	23,6
Cướp tài sản	48	11,9	16	4,0	13	3,2	77	19,1
Cướp giật tài sản	41	10,2	8	2,0	14	3,5	63	15,6
Cưỡng đoạt tài sản	32	7,9	15	3,7	12	14,6	59	14,6
Hiếp dâm	33	8,2	12	3	12	3,0	57	14,1
Giết người	37	9,2	3	0,7	2	0,5	42	10,4

Kết quả Bảng 4 cho thấy tính đa dạng và mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm pháp luật.

- Về cơ cấu hành vi vi phạm pháp luật:

Nhóm tội xâm phạm sở hữu (Trộm cắp: 63,8%) và xâm phạm trật tự công cộng (Gây rối: 52,6%) chiếm tỉ lệ cao nhất. Đáng báo động là sự xuất hiện của các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe với tính chất côn đồ, hung hãn như Cố ý gây thương tích

⁴⁷ Hirschi T. (1969), tldđ.

(44,2%) và Giết người (10,4%).

- Về mức độ tái phạm: Có tới 63,5% (256 người chưa thành niên) thuộc nhóm vi phạm pháp luật ở mức độ cao (từ 5 lần trở lên). Con số này cho thấy sự thất bại của các cơ chế kiểm soát xã hội ban đầu (gia đình,

nhà trường), khiến hành vi lệch chuẩn không được ngăn chặn kịp thời mà trượt dài thành thói quen vi phạm pháp luật.

4.3. *Mối tương quan giữa hành vi làm cha mẹ và hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên*

Bảng 5. Mối tương quan giữa hành vi làm cha mẹ và hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên

	CHT	CKSTL	CKSHV	MHT	MKSTL	MKSHV	HVVPPL
CHT	1	-0,29**	0,36**	0,38**	-0,28**	0,24**	-0,34**
CKSTL		1	-0,20**	-0,22**	0,69**	-0,26**	0,52**
CKSHV			1	0,28**	-0,21**	0,43**	-0,30**
MHT				1	-0,22**	0,48**	-0,31**
MKSTL					1	-0,21**	0,44**
MKSHV						1	-0,38**
HVVPPL							1

*Ghi chú: CHT- Cha hỗ trợ; CKSTL- Cha kiểm soát tâm lí; CKSHV- Cha kiểm soát hành vi; MHT- Mẹ hỗ trợ; MKSTL- Mẹ kiểm soát tâm lí; MKSHV- Mẹ kiểm soát hành vi; HVVPPL- Hành vi vi phạm pháp luật; **: $p < 0,001$.*

Kết quả phân tích Pearson (Bảng 5) xác nhận các giả thuyết nghiên cứu với độ tin cậy cao ($p < 0,001$).

- Tương quan nghịch nội tại: Mối tương quan âm giữa kiểm soát tâm lí với hỗ trợ và kiểm soát hành vi cho thấy một quy luật tâm lí: khi cha mẹ thiếu kĩ năng để hỗ trợ và quản lí con cái một cách khoa học, họ thường có xu hướng quay sang sử dụng các biện pháp trấn áp tinh thần như một giải pháp thay thế tiêu cực.

- Tương quan với hành vi vi phạm pháp luật:

+ Nhân tố thúc đẩy: Kiểm soát tâm lí có tương quan dương mạnh nhất với hành vi vi phạm pháp luật (Cha: $r = 0,52$; Mẹ: $r = 0,44$). Điều này khẳng định rằng sự tổn thương lòng tự trọng do cha mẹ gây ra là động lực

mạnh mẽ đẩy trẻ vào con đường vi phạm pháp luật.

+ Nhân tố kìm hãm: Hỗ trợ và kiểm soát hành vi có tương quan âm, đóng vai trò là “vùng đệm” bảo vệ trẻ trước các nguy cơ từ ngoài xã hội.

Để xác định chính xác mức độ ảnh hưởng độc lập và tương tác của các biến số, nghiên cứu sử dụng hai mô hình hồi quy. Đây là phần cốt lõi làm sáng tỏ cơ chế tác động của hành vi làm cha mẹ.

a) Hồi quy đơn biến: Bức tranh tổng quát

Khi xem xét từng yếu tố một cách riêng biệt (Bảng 6), tất cả các biến số đều có ý nghĩa dự báo ($p < 0,001$).

- Kiểm soát tâm lí là biến số có quyền năng dự báo mạnh nhất (R^2 cao nhất), trong

đó tác động của người cha ($Beta = 0,523$) vượt trội hơn so với người mẹ ($Beta = 0,439$).

- Các yếu tố hỗ trợ và kiểm soát hành

vi đều thể hiện tác động ngược chiều (giảm hành vi vi phạm pháp luật), khẳng định vai trò bảo vệ của chúng.

Bảng 6. Dự báo ảnh hưởng của hành vi làm cha mẹ đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên (hồi quy đơn biến)

Các biến số ảnh hưởng	R^2	F	Beta	t	p
Cha hỗ trợ	0,115	51,918	-0,339	-7,205	< 0,001
Cha kiểm soát tâm lí	0,273	150,664	0,523	12,275	< 0,001
Cha kiểm soát hành vi	0,089	39,239	-0,299	-6,264	< 0,001
Mẹ hỗ trợ	0,096	42,725	-0,31	-6,536	< 0,001
Mẹ kiểm soát tâm lí	0,192	95,59	0,439	9,777	< 0,001
Mẹ kiểm soát hành vi	0,146	68,350	-0,382	-8,267	< 0,001

b) Hồi quy đa biến: Sự sàng lọc các yếu tố cốt lõi

Khi đưa tất cả các biến vào cùng một mô hình để kiểm soát sự tác động qua lại (Bảng 7), bức tranh trở nên sắc nét hơn với sự phân hoá mạnh mẽ về vai trò của cha và mẹ. Mô hình tổng thể giải thích được 38,6% ($R^2 = 0,386$) sự biến thiên của hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ nhất, sự nổi trội của nhân tố “Người cha”:

- Kiểm soát tâm lí của cha ($Beta = 0,362$, $p < 0,001$) vẫn giữ vai trò là yếu tố dự báo mạnh nhất theo chiều thuận.

- Hỗ trợ của cha ($Beta = -0,093$, $p < 0,05$) vẫn giữ được ý nghĩa thống kê trong việc giảm thiểu hành vi vi phạm pháp luật.

- Ngược lại, các biến số kiểm soát tâm lí và hỗ trợ của người mẹ mất đi ý nghĩa thống kê trong mô hình này.

Điều này gợi ý rằng trong cấu trúc gia đình Việt Nam hiện đại, tác động của người cha (cả tích cực và tiêu cực) mang tính chất “chủ đạo” và “quyết định” hơn đối với hành vi tuân thủ pháp luật của con cái (đặc biệt là con trai). Sự nghiêm khắc thái quá hoặc tình yêu thương

của người cha có sức nặng tâm lí lớn hơn, có thể làm lu mờ ảnh hưởng của người mẹ.

Thứ hai, sự bền vững của “kiểm soát hành vi”:

- Cả kiểm soát hành vi của cha ($Beta = -0,136$) và mẹ ($Beta = -0,151$) đều giữ vững ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$).

Điều này khẳng định rằng bất kể vai trò giới, việc giám sát cụ thể (biết con đi đâu, làm gì) luôn là “chốt chặn” an toàn cuối cùng và hiệu quả nhất để ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật.

Bảng 7. Dự báo ảnh hưởng của hành vi làm cha mẹ đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên (hồi quy đa biến)

Các biến số ảnh hưởng	Beta	t	p
Cha hỗ trợ	-0,093	-2,019	0,044
Cha kiểm soát tâm lí	0,362	6,482	0,000
Cha kiểm soát hành vi	-0,136	-2,969	0,003
Mẹ hỗ trợ	-0,078	-1,64	0,102
Mẹ kiểm soát tâm lí	0,097	1,77	0,077
Mẹ kiểm soát hành vi	-0,151	-3,06	0,002
$R^2\Delta = 0,386$; $p < 0,001$			

Tóm lại, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra cơ chế tác động phức tạp: Hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên là hệ quả của sự cộng hưởng giữa việc thiếu hụt giám sát hành vi từ cả hai phía cha mẹ và sự tổn thương tâm lý do người cha gây ra. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để xây dựng các chương trình can thiệp tập trung vào việc điều chỉnh hành vi làm cha của nam giới.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã cung cấp những bằng chứng thực nghiệm xác đáng về mối liên hệ mật thiết và phức tạp giữa hành vi làm cha mẹ với hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên. Các kết quả chính được tóm lược như sau:

Thứ nhất, về mối quan hệ tương quan: Có sự liên kết nội tại chặt chẽ giữa các khía cạnh hành vi làm cha mẹ. Những bậc phụ huynh thực hiện tốt việc hỗ trợ và kiểm soát hành vi thường ít sử dụng các biện pháp kiểm soát tâm lý tiêu cực. Đối với hành vi của con cái, tác động diễn ra theo hai chiều hướng đối lập rõ rệt: Hỗ trợ và kiểm soát hành vi đóng vai trò là “yếu tố bảo vệ” (tương quan nghịch), giúp kìm hãm hành vi vi phạm pháp luật; trong khi kiểm soát tâm lý đóng vai trò là “yếu tố nguy cơ” (tương quan thuận), thúc đẩy hành vi vi phạm pháp luật ở người chưa thành niên.

Thứ hai, về mức độ ảnh hưởng và khả năng dự báo: Kết quả phân tích hồi quy đã làm nổi bật sự khác biệt giữa các yếu tố tác động khi xem xét độc lập và khi xem xét trong tổng thể:

- Ở góc độ đơn biến: Tất cả các khía cạnh hành vi của cả cha và mẹ đều có ý nghĩa dự báo. Trong đó, sự áp đặt tinh thần (kiểm soát tâm lý) là yếu tố tác động mạnh nhất theo chiều hướng tiêu cực.

- Ở góc độ đa biến: Khi xem xét tác động đồng thời, vai trò của người cha trở nên nổi trội. Kiểm soát tâm lý của cha được xác định là yếu tố dự báo thuận chiều mạnh nhất, trong khi hỗ trợ của cha vẫn giữ ý nghĩa dự báo nghịch chiều. Đặc biệt, kiểm soát hành vi từ cả hai phía cha và mẹ đều khẳng định vai trò quan trọng và ổn định trong việc ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật ở người chưa thành niên. Ngược lại, ảnh hưởng từ các yếu tố kiểm soát tâm lý và hỗ trợ của người mẹ trở nên mờ nhạt hơn trong mô hình tổng thể.

Thứ ba, hàm ý đối với giáo dục gia đình: Từ các phát hiện trên, có thể khẳng định rằng các mô hình giáo dục dựa trên sự nghiêm khắc cực đoan, áp đặt tâm lý hoặc ngược lại là sự thờ ơ, buông lỏng quản lý hành vi đều là những tác nhân trực tiếp làm gia tăng nguy cơ vi phạm pháp luật ở người chưa thành niên. Để giảm thiểu rủi ro này, chiến lược làm cha mẹ hiệu quả cần sự chuyển dịch từ “kiểm soát uy quyền” sang “kết nối và giám sát”. Cụ thể, cha mẹ cần:

- Duy trì sự kiểm soát hành vi chặt chẽ (nắm bắt giờ giấc, sinh hoạt, bạn bè) nhưng không xâm phạm đời sống riêng tư.

- Tăng cường sự hỗ trợ thông qua thái độ tôn trọng, tin tưởng, lắng nghe và sẵn sàng chia sẻ.

- Đặc biệt, cần loại bỏ các hành vi kiểm soát tâm lý (chỉ trích, gây áp lực, thao túng cảm xúc), vì đây là yếu tố gây tổn thương lớn nhất đến sự phát triển lành mạnh của trẻ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anderson B. J. (2011), “Parenting styles and parenting practices in pediatric diabetes”, *Diabetes Care*, 34(8).

2. Anderson L. S. (2008), "Predictors of parenting stress in a diverse sample of parents of early adolescents in high-risk communities", *Nurs Res*, Vol. 57 (5). DOI: 10.1097/01 .NNR.0000313502.92227.87
3. Barber, B. K. (1996), "Parental Psychological Control: Revisiting a Neglected Construct", *Child Development*, 67(6). <https://doi.org/10.2307/1131780>.
4. Barber B. K. (2002), *Intrusive parenting: How psychological control affects children and adolescent*, Washington, DC: American Psychological Association.
5. Barber, B. K., Stolz, H. E., Olsen, J. A., Collins, W. A., & Burchinal, M. (2005), "Parental support, psychological control, and behavioral control: Assessing relevance across time, culture, and method", *Monographs of the Society for Research in Child Development*, 70(4), <http://www.jstor.org/stable/3701442>.
6. Barnes G. M., Farrel, M. P. (1992), "Parental support and control as predictors of adolescent drinking, delinquency, and related problem behaviors", *Journal of Marriage and the Family*, 54.
7. Barrera M., Li S. A. (1996), "The Relation of Family Support to Adolescents' Psychological Distress and Behavior Problem", *Handbook of Social Support and the Family*, G. R. Pierce, B. R Sarason and LG. Sarason (eds.), New York: Plenum Press.
8. Baumrind D. (1971), "Current patterns of parental authority", *Developmental Psychogy*, 4(1).
9. Baumrind, D. (1991), "The Influence of Parenting Style on Adolescent Competence and Substance Use", *Journal of Early Adolescence*, 11.
10. Baumrind, D. (1996), "Effects of Authoritative Control on Child Behavior", *Child Development*, 37(4).
11. Born M. (2003), *Psychologie de la délinquance*, Ed. De Boeck.
12. Brook J. S., Wh M., Balka E. B. and Cohen P. (1997), "Drug Use and Delinquency: Shared and Unshared Risk Factors in African American and Puerto Rican Adolescents", *The Journal of Genetic Psychology*, Vol. 158.
13. Brooks J. B. (2012), *The Process of Parenting*, Ninth Edition, McGraw-Hill Higher Education, ISBN 978-0-07-746918-4.
14. Church II W. T., Tracy Wharton, Julie K. Taylor (2009), "An Examination of Differential Association and Social Control Theory: Family Systems and Delinquency", *Youth Violence and Juvenile Justice*, Vol. 7(1), DOI: 10.1177/1541204008324910
15. Cummings E. M., Davies P. T., Campbell S. B. (2000), *Developmental Psychopathology and Family Process*, New York, NY: The Guilford Press.
16. Darling N., Steinberg L. (1993), Parenting Style as Context: An Integrative Model, *Psychological, Bulletin* (113).
17. Farrington D. P. (1996). *Understanding and Preventing Youth Crime*, Joseph Bowntree Foundation, 12.
18. Farrington D. P. and Coid J. W. (eds.) (2003), *Early Prevention of Adult Antisocial Behaviour*, USA: Cambridge University Press.
19. Gottfredson, M. R., Hirschi, T. (1990), A

- General Theory of Crime*, Stanford University Press.
20. Gove W. R., Crutchfield, R. D. (1982), “The Family and Juvenile Delinquency”, *Sociological Quarterly*, 23.
21. Hirschi T. (1969). *Causes of Delinquency*. Berkeley, CA: University of California Press.
22. Trần Thu Hương, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Thị Minh (2022), “Hành vi làm cha mẹ như yếu tố dự báo cho hành vi lệch chuẩn học đường ở thanh thiếu niên”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 1.
23. Lê Thị Ngọc Lan (2022), *Mối quan hệ giữa hành vi lệch chuẩn học đường ở học sinh trung học phổ thông và hành vi làm cha mẹ*, Luận án tiến sĩ tâm lý học, Trường Đại học Khoa học và Xã hội nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Maccoby E. E., Martin J. A. (1983), “Socialization in the Context of the Family: Parent - Child Interaction”, *Handbook of Child Psychology*, Vol. 4: Socialization, personality and social development, E.M. Hetherington (Ed), New York: Wiley.
25. Maccoby E. E. (1990), “Gender and relationships. A developmental account”, *The American Psychologist*, 45(4), <https://doi.org/10.1037//0003-066x.45.4.513>
26. Merdović B., Počuča M., & Dragojlović J. (2024), “Parental Supervision and Control as a Predictive Factor of Juvenile Delinquency”, *International Journal of Cognitive Research in Science, Engineering and Education (IJCRSEE)*, 12(1).
27. Mulder E. A. (2010), *Unraveling Serious Juvenile Delinquency: Risk and Needs Assessment by Classification into Subgroups*, Erasmus University Rotterdam.
28. Patterson G. R., DeBaryshe B. D., Ramsey E. (1989), “A developmental perspective on antisocial behavior”, *American Psychologist*, 44.
29. Pinquart M. (2017), “Associations of parenting dimensions and styles with externalizing problems of children and adolescents: An updated meta-analysis”, *Developmental Psychology*, 53.
30. Prevant F. F. (2003), “The contribution of parenting practices in a risk and resiliency model of children’s adjustment”, *British Journal of Developmental Psychology*, 21(4).
31. Shek D. T. L., Zhu X. (2019), “Paternal and maternal influence on delinquency among early adolescents in Hong Kong”. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 16.
32. Stattin H., Kerr M. (2000), “Parental monitoring: A Reinterpretation”, *Child Development*, 71(4), <https://doi.org/10.1111/1467-8624.00210>
33. Steinberg, L. (1990), “Interdependency in the family: Autonomy, conflict, and harmony in the parent-adolescent relationship”, *At the threshold: The developing adolescent*, S. Feldman and G. Elliott (Eds.), Cambridge, MA: Harvard University Press.
34. Turner H. A., Finkelhor D., Ormrod R. (2007), “Family structure variations in patterns and predictors of child victimization”, *American Journal of Orthopsychiatry*, 77(2). <https://doi.org/10.1037/0002-9432.77.2.282>
35. Walters G. D. (2018), “Mediating the relationship between parental control/support and offspring delinquency: Self-efficacy for a conventional lifestyle versus self-efficacy for deviance”, *Crime Delinq*, 64.